

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-PT

Ngày 21/12/2023

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán:

Ông Lê Minh Đạt

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 81/2023/HNGĐ-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4251/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Mộng Thảo L, sinh năm 1990; (có mặt)

Địa chỉ: 4 ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Trường S, sinh năm 1973; (có mặt)

Địa chỉ: B Khu phố B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hồng Trường S, sinh năm 1973;

Địa chỉ: B Khu phố B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2023, bản tự khai, các biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Mộng Thảo L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hồng Trường S tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2013 tại Ủy ban nhân dân Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, bà và ông S có 01 con chung là cháu Nguyễn Hồng Vĩnh P, sinh ngày 04/7/2013. Sau một thời gian chung sống

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và ông S không thể hoà giải, hàn gắn được nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Trường S, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Trường S.
- Về con chung: Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hồng Vĩnh P, sinh ngày 04/7/2013 và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà ông Nguyễn Hồng Trường S trình bày:

Ông thống nhất với bà Nguyễn Mộng Thảo L về điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà L yêu cầu ly hôn với ông là do bà L có người đàn ông khác nên tình cảm vợ, chồng không còn như trước. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông S không đồng ý vì còn thương vợ con, ông mong muốn vợ, chồng đoàn tụ để cùng nuôi con chung.

Về con chung, ông tôn trọng ý kiến của con chung là cháu Nguyễn Hồng Vĩnh P, sinh ngày 04/7/2013, cháu P muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng. Nếu trường hợp Tòa án giao con chung cho bà L nuôi dưỡng thì ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 81/2023/HNGĐ-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của bà Nguyễn Mộng Thảo L đối với ông Nguyễn Hồng Trường S.

Bà Nguyễn Mộng Thảo L được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Trường S.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Mộng Thảo L được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hồng Vĩnh P, sinh ngày 04/7/2013. Ghi nhận bà Nguyễn Mộng Thảo L không yêu cầu ông Nguyễn Hồng Trường S cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận bà Nguyễn Mộng Thảo L, ông Nguyễn Hồng Trường S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung phải thu, nợ chung phải trả: Ghi nhận bà Nguyễn Mộng Thảo L, ông Nguyễn Hồng Trường S khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, thời hạn kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2023, ông Nguyễn Hồng Trường S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì ông S không đồng ý ly hôn. Ông S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hồng Trường S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là không đồng ý ly hôn và đề nghị huỷ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Mộng Thảo L không đồng ý với kháng cáo của ông S, đề nghị giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hồng Trường S, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 81/2023/HNGĐ-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Nguyễn Hồng Trường S; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông S là tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2013 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, bà L cho rằng do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông S không đạt được. Hiện tại tình cảm vợ chồng giữa ông S và bà L không còn, thể hiện qua các lần hoà giải cũng như tại phiên tòa các bên không có được tiếng nói chung. Ông S không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ con, nhưng ông S không đưa ra được những biện pháp để đoàn tụ mà có những lời trình bày ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng như nghi ngờ tính chung thủy của bà L. Đồng thời, ông S không đồng ý ly hôn nhưng nếu bà L yêu cầu ly hôn thì ông sẽ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung bằng vụ kiện khác. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông S có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên

ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, bà L yêu cầu được ly hôn với ông S là có cơ sở và phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà L và ông S có một con chung là cháu Nguyễn Hồng Vĩnh P, sinh ngày 04/7/2013. Hiện cháu P đang sinh sống với bà L và cháu có nguyện vọng sống với bà L. Do đó, việc giao cháu P cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu P về mặt sức khỏe, tâm lý. Ghi nhận việc bà L không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ghi nhận bà Nguyễn Mộng Thảo L, ông Nguyễn Hồng Trường S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung phải thu, nợ chung phải trả: Ghi nhận bà L và ông S khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của ông S không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hồng Trường S; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 81/2023/HNGĐ-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre. Cụ thể tuyên:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của bà Nguyễn Mộng Thảo L đối với ông Nguyễn Hồng Trường S.

Bà Nguyễn Mộng Thảo L được ly hôn với ông Nguyễn Hồng Trường S.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Mộng Thảo L được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hồng Vĩnh P, sinh ngày 04/7/2013. Ghi nhận bà Nguyễn Mộng Thảo L không yêu cầu ông Nguyễn Hồng Trường S cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa

án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận bà Nguyễn Mộng Thảo L, ông Nguyễn Hồng Trường S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung phải thu, nợ chung phải trả: Ghi nhận bà Nguyễn Mộng Thảo L, ông Nguyễn Hồng Trường S khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Mộng Thảo L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch với số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được thu theo biên lai số 0007162 ngày 14/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Mộng Thảo L đã nộp xong.

6. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hồng Trường S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007226 ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- UBND Phường 7, TP B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Lương